

KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH KCB THÁNG 8 NĂM 2025

TT	Chỉ tiêu	KHBV	TH	Tỷ lệ % KHBV	So tháng 07.2025	Tỷ lệ %	So cùng kỳ
1	Giường bệnh được giao	340	355				
2	Tổng số lần Khám bệnh	9877	10134	102,6	10999	92,1	9169
3	Tổng bệnh nhân điều trị nội, ngoại trú	1883	2127	113	2037	104,4	1832
	Số bệnh nhân điều trị nội trú	1525	1738	114	1671	104	1508
	Số bệnh nhân điều trị ngoại trú	358	389	108,7	366	106,3	324
4	Tổng số ngày điều trị nội, ngoại trú	12505	14214	113,7	13557	104,8	11563
	Số ngày điều trị nội trú	9236	10751	116,4	10162	105,8	8727
	Số ngày điều trị ngoại trú	3292	3463	105,2	3395	102	2836
5	Ngày điều trị trung bình	6,0	6,2	0,2	6,0	0,2	5,8
6	Công suất SDGB	100	105	105	99,6	105,4	86
7	Tổng số phẫu thuật	238	267	112,2	318	84	250
8	Tổng số thủ thuật	9225	11718	127	10635	110,2	8432
9	Tổng số Xét nghiệm (lần)	31383	44031	140,3	49461	89	31779
10	Tổng số Xquang (lần)	4215	4587	108,8	5267	87,1	4991
11	Tổng số Siêu âm tổng quát (lần)	4575	5821	127,2	6162	94,5	4395
12	Tổng số Siêu âm tim, mạch máu (lần)	351	733	208,8	627	116,9	557
13	Tổng số Siêu âm đầu dò âm đạo (lần)	33	57	172,7	33	172,7	
14	Tổng số Điện tim (lần)	2542	3538	139,2	3770	93,8	2339
15	Tổng số Lưu huyết não (lần)	642	1120	174,5	1173	95,5	185
16	Tổng số Nội soi tiêu hoá (lần)	211	212	100,5	238	89,1	198
17	Tổng số Nội soi Tai mũi họng (lần)	321	448	139,6	499	89,8	323
18	Tổng số truyền máu (ml)	2083	500	24	1000	50	500
19	Chụp CT Scanner (lần)	126	244	193,7	240	101,7	145
20	Chuyển viện	257	180	70	211	85,3	258

I. KHOA NGOẠI

1	Giường thực kê	60					
2	Tổng số bệnh nhân điều trị	292	352	120,5	349	100,9	266
3	Tổng số ngày điều trị	1546	2158	139,6	2007	107,5	1631
4	Ngày điều trị trung bình	5	6,1	1,1	5,7	0,4	6,1
5	Công suất SDGB	100	120	120	111,5	107,6	99
6	Tổng số phẫu thuật	63	71	112,7	65	109,2	68
7	Tổng số thủ thuật	83	115	138,6	106	108,5	65
8	Tổng số Xét nghiệm (lần)	2583	2937	113,7	4520	65	2229
9	Tổng số Xquang (lần)	500	191	38,2	218	87,6	497
10	Tổng số Siêu âm tổng quát (lần)	183	209	114,2	233	89,7	125
11	Tổng số Siêu âm tim, mạch máu (lần)	29	28	96,6	42	66,7	11
12	Tổng số Điện tim (lần)	100	136	136	142	95,8	94

13	Tổng số Lưu huyết não (lần)	3	9	300	4	225	
14	Tổng số Nội soi tiêu hoá (lần)	21	17	81	15	113,3	12
15	Chụp CT Scanner	38	46	121,1	55	83,6	50
16	Chuyển viện	8	10	125	5	200	2

II. KHOA MẮT-TMH-RHM

1	Giường thực kê	65					
2	Tổng số lần Khám bệnh	1333	1422	106,7	1578	90,1	1376
3	Tổng bệnh nhân điều trị nội, ngoại trú	342	402	117,5	390	103,1	310
	Số bệnh nhân điều trị nội trú	325	370	113,8	366	101,1	297
	Số bệnh nhân điều trị ngoại trú (RHM)	17	32	188,2	24	133,3	13
4	Tổng số ngày điều trị nội, ngoại trú	2033	2289	112,6	2337	97,9	1757
	Số ngày điều trị nội trú	1950	2142	109,8	2220	96,5	1701
	Số ngày điều trị ngoại trú	83	147	177,1	117	125,6	56
5	Ngày điều trị trung bình	6	5,8	(0,2)	6,0	(0,2)	5,7
6	Công suất SDGB	100	110	110	114	96,5	87,2
7	Tổng số phẫu thuật	158	185	117,1	238	77,7	168
8	Tổng số thủ thuật	1250	1479	118,3	1629	90,8	1105
9	Tổng số xét nghiệm (lần)	2333	3719	159,4	3898	95,4	2556
10	Tổng số Xquang (lần)	292	223	76,4	339	65,8	280
11	Tổng số Siêu âm tổng quát (lần)	304	291	95,7	306	95,1	287
12	Tổng số Siêu âm tim, mạch máu (lần)	8	23	287,5	15	153,3	5
13	Tổng số Điện tim (lần)	192	250	130,2	278	89,9	193
14	Tổng số Lưu huyết não (lần)	83	155	186,7	181	85,6	37
15	Tổng số Nội soi tiêu hoá (lần)	13	9	69,2	13	69,2	9
16	Tổng số Nội soi Tai mũi họng (lần)	321	339	105,6	357	95	179
17	Chụp CT Scanner (lần)	7	3	42,9	10	30	
18	Chuyển viện	9	10	111,1	6	166,7	4

III. KHOA PHỤ SẢN

1	Giường thực kê	20					
2	Tổng số lần Khám bệnh	208	205	98,6	217	94,5	191
3	Tổng số bệnh nhân điều trị	100	98	98	93	105,4	79
4	Tổng số ngày điều trị	560	566	101,1	564	100,4	480
5	Ngày điều trị trung bình	6,0	5,8	(0,2)	6,0	(0,2)	6,0
6	Công suất SDGB	100	94,3	94,3	94	100,3	80
7	Tổng số phẫu thuật	17	13	76,5	15	86,7	14
8	Tổng số thủ thuật	75	61	81,3	64	95,3	52
9	Tổng số Xét nghiệm (lần)	1083	1514	139,8	1381	109,6	727
10	Tổng số Xquang (lần)	7	5	71,4	5	100	
11	Tổng số Siêu âm tổng quát (lần)	325	283	87,1	405	69,9	235
12	Tổng số Siêu âm tim, mạch máu (lần)	3	5	166,7	2	250	1
13	Tổng số Siêu âm đầu dò âm đạo (lần)	33	58	175,8	33	175,8	
14	Tổng số Điện tim (lần)	100	65	65	43	151,2	48
15	Tổng số Lưu huyết não (lần)	2	1	50	1	100	1

16	Chụp CT Scanner (lần)	1		-			1
17	Tổng số ca đẻ	33	24	72,7	15	160	16
18	Chuyển viện	10	9	90	6	150	7
IV. KHOA NHI-CẤP CỨU-HSTC VÀ CD							
1	Giường thực kê	58					
2	Tổng số bệnh nhân điều trị	300	305	101,7	282	108,2	323
3	Tổng số ngày điều trị	1417	1433	101,1	1336	107,3	1417
4	Ngày điều trị trung bình	5,0	4,7	(0,3)	4,7		4,3
5	Công suất SDGB	100	82,3	82,3	76,8	107,2	81,4
6	Tổng số thủ thuật	1042	989	94,9	1129	87,6	1004
7	Tổng số xét nghiệm (lần)	2000	3136	156,8	3179	98,6	2160
8	Tổng số Xquang (lần)	192	204	106,3	231	88,3	160
9	Tổng số Siêu âm tổng quát (lần)	242	211	87,2	294	71,8	218
10	Tổng số Siêu âm tim, mạch máu (lần)	54	83	153,7	66	125,8	44
11	Tổng số Điện tim (lần)	125	220	176	202	108,9	124
12	Tổng số Lưu huyết não (lần)	8		-	1	-	
13	Tổng số Nội soi tiêu hoá (lần)	7	2	28,6	3	66,7	4
14	Tổng số Nội soi Tai mũi họng (lần)	63	41	65,1	59	69,5	54
15	Chụp CT Scanner (lần)	42	95	226,2	98	96,9	65
16	Chuyển viện	18	21	116,7	25	84	25
V. KHOA NỘI							
1	Giường thực kê	75					
2	Tổng số bệnh nhân điều trị	283	346	122,3	354	97,7	339
3	Tổng số ngày điều trị	1983	2368	119,4	2295	103,2	1996
4	Ngày điều trị trung bình	7	6,8	(0,2)	6,5	(0,3)	5,9
5	Công suất SDGB	100	105,2	105,2	102	103,1	83,2
6	Tổng số thủ thuật	233	101	43,3	59	171,2	202
7	Tổng số Xét nghiệm (lần)	1958	3287	167,9	3327	98,8	1822
8	Tổng số Xquang (lần)	113	60	53,1	62	96,8	99
9	Tổng số Siêu âm tổng quát (lần)	208	298	143,3	239	124,7	207
10	Tổng số Siêu âm tim, mạch máu (lần)	67	118	176,1	122	96,7	78
11	Tổng số Điện tim (lần)	183	200	109,3	184	108,7	146
12	Tổng số Lưu huyết não (lần)	58	83	143,1	92	90,2	15
13	Tổng số Nội soi tiêu hoá (lần)	20	20	100	39	51,3	22
14	Tổng số Nội soi Tai mũi họng (lần)	4	12	300	2	600	3
15	Chụp CT Scanner (lần)	13	23	176,9	29	79,3	8
16	Chuyển viện	2		-	3	-	5
VI. KHOA TRUYỀN NHIỄM							
1	Giường thực kê	30					
2	Tổng số lần Khám bệnh	43	42	97,7	42	100	43
3	Tổng số bệnh nhân điều trị	142	150	105,6	140	107,1	143
4	Tổng số ngày điều trị	822	888	108	796	111,6	828
5	Ngày điều trị trung bình	6,0	5,9	(0,1)	5,7	(0,2)	5,8

6	Công suất SDGB	100	99	98,7	88,4	111,7	92
7	Tổng số thủ thuật	292	270	92,5	124	217,7	276
8	Tổng số Xét nghiệm (lần)	1583	1540	97,3	1717	89,7	1509
9	Tổng số Xquang (lần)	71	67	94,4	75	89,3	63
10	Tổng số Siêu âm tổng quát (lần)	104	91	87,5	98	92,9	89
11	Tổng số Siêu âm tim, mạch máu (lần)	5	37	740	9	411,1	2
12	Tổng số Điện tim (lần)	83	86	103,6	96	89,6	46
13	Tổng số Lưu huyết não (lần)	54	68	125,9	70	97,1	22
14	Tổng số Nội soi tiêu hoá (lần)	24	19	79,2	18	105,6	15
15	Tổng số Nội soi Tai mũi họng (lần)	79	54	68,4	59	91,5	87
16	Chụp CT Scanner (lần)	3	4	133,3	7	57,1	3
17	Chuyển viện	1		-	2	-	2

VII. KHOA YHCT- PHCN

1	Giường thực kê	32					
2	Tổng số lần Khám bệnh	458	478	104,4	612	78,1	527
3	Tổng số bệnh nhân điều trị nội, ngoại trú	333	377	113,2	349	108	270
	Số bệnh nhân điều trị nội trú	83	117	141	87	134,5	61
	Số bệnh nhân điều trị ngoại trú	250	260	104	262	99,2	209
4	Tổng ngày điều trị nội, ngoại trú	3583	3945	110,1	3872	101,9	2905
	Số ngày điều trị nội trú	958	1196	124,8	944	126,7	674
	Số ngày điều trị ngoại trú	2625	2749	104,7	2928	93,9	2231
5	Ngày điều trị trung bình	11,5	10,2	(1,3)	10,9	(0,7)	11
6	Công suất SDGB	100	124	124	98,3	126,1	70,2
7	Tổng số thủ thuật	5583	8105	145,2	7104	114,1	5035
8	Tổng số Xét nghiệm (lần)	258	1973	764,7	2995	65,9	440
9	Tổng số Xquang (lần)	500	634	126,8	907	69,9	761
10	Tổng số Siêu âm tổng quát (lần)	292	537	183,9	592	90,7	429
11	Tổng số Siêu âm tim, mạch máu (lần)	3	58	1933	10	580	4
12	Tổng số Điện tim (lần)	133	278	209	282	98,6	217
13	Tổng số Nội soi tiêu hoá (lần)	1	3	300	1	300	3
14	Tổng số Lưu huyết não(lần)	58	88	151,7	99	88,9	17
15	Chụp CT Scanner (lần)	2		-			2
16	Chuyển viện	1		-			

VIII. KHOA KHÁM BỆNH

1	Tổng số lần khám bệnh	6083	6296	103,5	6773	93	5429
2	Tổng số Xét nghiệm (lần)	15833	20760	131,1	23742	87,4	15397
3	Tổng số Xquang (lần)	2083	2454	117,8	2886	85	1868
4	Tổng số Siêu âm tổng quát (lần)	2250	3045	135,3	3540	86	2167
5	Tổng số Siêu âm tim, mạch máu (lần)	183	238	130,1	262	90,8	264
5	Tổng số Điện tim (lần)	1167	1771	151,8	2002	88,5	969
6	Tổng số Lưu huyết não(lần)	375	653	174,1	696	93,8	83
7	Tổng số Nội soi tiêu hoá (lần)	125	143	114,4	154	92,9	116
9	Chụp CT Scanner (lần)	21	46	219	48	95,8	10

10	Chuyển viện	208	130	62,5	162	80,2	195
IX. KHOA XÉT NGHIỆM							
1	Tổng số xét nghiệm (lần)	27633	40132	145,2	45291	88,6	28179
2	Truyền máu (ml)	2083	500	24	1000	50	500
X. KHOA CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH-TDCN							
1	Tổng số Xquang (lần)	3757	4188	111,5	4870	86	4647
2	Tổng số Siêu âm tổng quát (lần)	3908	5100	130,5	5352	95,3	3799
3	Tổng số Siêu âm tim, mạch máu (lần)	351	733	208,8	627	116,9	557
4	Tổng số Điện tim (lần)	2083	2932	140,8	3110	94,3	1973
5	Tổng số Lưu huyết não(lần)	642	1120	174,5	1173	95,5	185
6	Tổng số Nội soi tiêu hoá (lần)	211	212	100,5	238	89,1	198
7	Chụp CT Scanner (lần)	126	244	193,7	240	101,7	145
XI. PHÒNG KHÁM HOÀNG KIM							
1	Tổng số lần Khám bệnh	1750	1691	96,6	1777	95,2	1603
2	Số bệnh nhân điều trị ngoại trú	92	97	105,4	80	121,3	102
3	Số ngày điều trị ngoại trú	583	567	97,3	350	162	549
4	Tổng số thủ thuật	667	598	89,7	420	142,4	693
5	Tổng số Xét nghiệm (lần)	3750	3899	104	4170	93,5	3600
6	Tổng số Xquang (lần)	458	399	87,1	397	100,5	344
7	Tổng số Siêu âm tổng quát (lần)	667	721	108,1	810	89	596
8	Tổng số Điện tim (lần)	458	606	132,3	660	91,8	366

Hoàng Hóa, ngày 05 tháng 9 năm 202.

TP. KẾ HOẠCH NGHIỆP VỤ

Đinh Văn Đông

NAM

25

Tỷ lệ %
110,5
116,1
115,3
120,1
122,9
123,2
122,1
0,4
122,8
106,8
139
138,6
91,9
132,4
131,6
151,3
605,4
107,1
138,7
100
168,3
69,8
132,3
132,3
121,2
104,4
176,9
131,8
38,4
167,2
254,5
144,7

141,7
92
500
103,3
129,7
124,6
246,2
130,3
125,9
262,5
0,1
126,1
110,1
133,8
145,5
79,6
101,4
460
129,5
418,9
100
189,4
250,0
107,3
124,1
117,9
(0,2)
117,9
92,9
117,3
208,3
120,4
500
135,4
100

150
128,6
94,4
101,1
0,4
101,1
98,5
145,2
127,5
96,8
188,6
177,4
50
75,9
146,2
84
102,1
118,6
(0,9)
126,4
50
180,4
60,6
144
151,3
137
553,3
90,9
400
287,5
97,7
104,9
107,2
(0,1)

107,3
97,8
102,1
106,3
102,2
1850
187
309,1
126,7
62,1
133,3
90,7
139,6
191,8
124,4
135,8
177,4
123,2
(0,8)
176,6
161
448,4
83,3
125,2
1450
128,1
100
517,6
116
134,8
131,4
140,5
90,2
182,8
786,7
123,3
460

66,7
142,4
100
90,1
134,2
131,6
148,6
605,4
107,1
168,3
105,5
95,1
103,3
86,3
108,3
116
121
165,6